

**TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI**

**SỰ THĂNG TRẦM CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO  
TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI (THẾ KỈ XI – THẾ KỈ XV)**

LAI BÍCH NGỌC<sup>(\*)</sup>

**V**ua chúa phong kiến (quý tộc thế tục) đại diện cho vương quyền và Giáo hoàng, Giáo hội Công giáo (quý tộc tăng lữ) đại diện cho thần quyền. Hai bộ phận này hợp thành giai cấp phong kiến thống trị ở Tây Âu trong suốt thời kì trung đại (thế kỉ V - XVI).

Trong suốt lịch sử hình thành, phát triển và suy vong của chế độ phong kiến Tây Âu, mối quan hệ giữa vương quyền và thần quyền đã diễn ra rất phức tạp ở nhiều cung bậc khác nhau. Khi thì ôn hòa, gần bó, khi thì dụng độ quyết liệt, gay gắt. Tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử cụ thể của từng giai đoạn mà vai trò, vị trí của vương quyền hay thần quyền được đề cao hoặc suy giảm.

Ở thời sơ kỳ (thế kỉ V - X), khi quá trình xác lập chế độ phong kiến diễn ra mạnh mẽ và triệt để trên toàn lãnh thổ đế quốc Phrăng, thì mối quan hệ giữa quý tộc phong kiến vừa mới được hình thành với Giáo hội Công giáo diễn ra khá tốt đẹp. Quý

tộc Phrăng đã sử dụng Giáo hội Công giáo như một sức mạnh tinh thần có hiệu lực để phục vụ quá trình xâm lược, mở rộng lãnh thổ và khẳng định nền thống trị của mình ở Tây Âu. Còn Giáo hội Công giáo lại tìm thấy ở quý tộc Phrăng một sức mạnh vật chất, một thế lực có thể đem lại cho mình những quyền lợi lớn về ruộng đất, về của cải. Cuối thế kỉ V, đầu thế kỉ VI, Clovít - quốc vương Phrăng và bốn con trai của ông đã được Giáo hội hết sức ủng hộ trong các cuộc chinh chiến, mở rộng lãnh thổ. Để trả ơn tướng lĩnh và Giáo hội, ông đã thực hiện chế độ “ân tứ” rất rộng rãi. Ông hào phóng ban tặng cho họ nhiều ruộng đất và chiến lợi phẩm. Năm 751, Pêpanh “lùn” - tể tướng của quốc vương đã được Giáo hoàng Rôma và quý tộc Phrăng ủng hộ trong cuộc chính biến, lật đổ Vương triều Mêrôlanhiêng, thiết lập Vương triều Carôlanhiêng. Đức Giáo

\*. PGS.TS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

hoàng Pôn II đã làm lễ đăng quang, công nhận ngôi vua Phơrăng cho Pêpanh. Để tạ ơn Giáo hoàng đã giúp đỡ mình, năm 756, Pêpanh đã đem quân chinh phục vùng trung Italia. Thắng trận, Pêpanh đem vùng đất này tặng cho Giáo hoàng<sup>(1)</sup>. Từ đó, ở Tây Âu, xuất hiện thêm một quốc gia mới, đó là nước của Giáo hoàng Rôma. Từ thời điểm này, Giáo hoàng không những là vị giáo chủ tối cao của Giáo hội mà còn là một lãnh chúa thế tục lớn nhất Tây Âu bấy giờ.

Năm 768, Pêpanh qua đời, con trai là Sácơ lên cầm quyền. Kế tục sự nghiệp của vua cha, Sácơ đã dựa vào quý tộc Phơrăng và Giáo hoàng Rôma, tiến hành hơn 50 cuộc viễn chinh để mở rộng lãnh thổ đến mức tối đa cho vương quốc Phơrăng. Sácơ đã ban tặng rất nhiều của cải, châu báu do cướp được trong các cuộc chinh chiến cho Giáo hoàng. Mặt khác, dưới lờ mờ chinh phục của Sácơ, đạo Công giáo được truyền bá rộng rãi trên toàn lãnh thổ đế quốc Phơrăng. Để đền ơn đức vua, ngày 24/12/800, Giáo hoàng Lêô III đã ban một ân sủng lớn là tặng cho Sácơ chiếc chìa khóa bằng vàng phần mộ thánh Phêrô và lá cờ thành Rôma. Sau đó, Giáo hoàng đã cử hành lễ đăng quang cho Sácơ tại nhà thờ thánh Xanh Pie. Sácơ thành kính trong lễ phục hoàng đế quỳ trước mộ thánh Phêrô và Đức Giáo hoàng Lêô III trang trọng trong

phẩm phục đại lễ, tự tay đặt vương miện vàng lên đầu hoàng đế<sup>(2)</sup>. Như vậy, quốc vương Sácơ chính thức được tôn vinh ngôi hoàng đế, đế quốc Phơrăng trở thành đế quốc Salomanhơ. Cho mãi đến thế kỉ IX, X, khi các vương quốc Pháp, Đức và Italia ra đời, mối quan hệ giữa Giáo hoàng, Giáo hội Rôma và các vua chúa Tây Âu về cơ bản là tương đối bằng lặng. Vì cả hai bên đều còn cần đến nhau để củng cố thêm quyền lực của mình. Chưa bên nào vượt trội hẳn lên để đủ sức lấn át, khống chế đối phương. Những quy ước thông lệ vẫn được cả hai bên thi hành. Chẳng hạn, ngôi Giáo hoàng vẫn do bầu cử, nhưng khi đắc cử, Giáo hoàng phải làm lễ tuyên thệ trung thành với hoàng đế. Hoàng đế cũng được quyền tham gia vào một số công việc của Giáo hội như các hoàng đế Rôma trước đây từng làm. Ngoài ra, trên lãnh thổ của nước Giáo hoàng Rôma, hoàng đế vẫn có đại diện của mình để kiểm soát các công việc thế tục. Đối với các hoàng đế trước khi lên ngôi, cho dù là kế thừa hay bầu cử, bắt buộc phải được Giáo hoàng làm lễ gia miện. Chính Hoàng đế Salomanhơ là người mở đầu cho nghi thức này từ năm 800.

Những quy định có tính thông lệ và nghi lễ trên đây trong mối quan

1. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.46.

2. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*. Quyển 1. Công lý xuất bản. Sài Gòn 1975, tr. 261.

hệ giữa vương quyền và thần quyền lại chính là những vấn đề máu chót, nhạy cảm nhất làm bùng nổ mâu thuẫn ngày càng gay gắt, quyết liệt giữa Giáo hoàng, Giáo hội và vua chúa Tây Âu trong suốt thời trung kỳ trung đại. Bước thăng trầm của Giáo hoàng, Giáo hội Công giáo Tây Âu được thể hiện rõ rệt và sâu sắc trong suốt hơn ba thế kỉ (thế kỉ XI - đầu thế kỉ XV).

Cuộc đối đầu giữa thần quyền và vương quyền ở thời kì trung đại được diễn ra trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt. Chế độ phong kiến Tây Âu đã hoàn toàn được xác lập. Các quốc gia phong kiến lớn như Đức, Pháp, Italia đã ra đời. Nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp trong các lãnh địa là cơ sở cho sự phát triển của chế độ phong kiến phân quyền. Các lãnh chúa phong kiến vừa có chức tước, quyền lực lại vừa được sở hữu ruộng đất lớn, cho nên mỗi lãnh địa phong kiến đã trở thành một đơn vị kinh tế, hành chính độc lập, đóng kín, một nhà nước thực sự. Các lãnh chúa phong kiến lớn, nhỏ đã tạo nên một bậc thang đẳng cấp ràng buộc và phụ thuộc nhau theo quan hệ phong quân bồi thần mà nhà vua cũng chỉ là một phong quân. Khi quyền lực kinh tế, chính trị và quân sự của các lãnh chúa được củng cố thì sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các lãnh chúa và giữa các lãnh chúa với nhà vua càng trở nên lỏng lẻo, phai nhạt. Họ

chống đối gây chiến tranh để tiêu diệt lẫn nhau, bành trướng thế lực, chống lại nhà vua. Vì thế thực quyền của nhà vua rất nhỏ yếu, chỉ bó hẹp trong lãnh địa của mình. Nền kinh tế hàng hóa tiên tộ ở thế kỉ XI vừa mới phát triển, thành thị, thị dân vừa mới ra đời. Do vậy, cơ sở kinh tế của vương quyền hết sức hạn chế. Các quý tộc thực sự là những ông vua ở các địa phương, đối đầu với vương quyền.

Cho đến thế kỉ XI, thế lực kinh tế và chính trị của Giáo hoàng, Giáo hội đã rất lớn. Ngoài nước Giáo hoàng ở miền trung Italia, Giáo hội còn có rất nhiều lãnh địa lớn ở rải rác khắp nơi, nhiều nhất là ở Đức, chiếm tới 30% đất đai ở đây. Nông nô cày cấy trong các lãnh địa của Giáo hội còn bị bóc lột nặng nề hơn những nông nô trong các lãnh địa thế tục. Ngoài ra, Giáo hội còn được hưởng thuế 1/10 của tất cả nông nô Tây Âu. Như vậy, Giáo hoàng, Giáo hội Công giáo cũng giàu có chẳng kém gì các vua chúa phong kiến thế tục. Từ sau các cuộc Thập tự chinh (thế kỉ XI - XIII), thế lực kinh tế của Giáo hoàng, Giáo hội lại càng được tăng cường. Đây là một trong những điều kiện tiên đề để Giáo hoàng, Giáo hội đấu tranh với các vua chúa phong kiến, khuếch trương thế lực chính trị của mình.

Trong những thế kỉ XI - XIII, do sự thống trị của chế độ phong kiến phân quyền nên quyền lực chính trị

của vua chúa Tây Âu, nhất là Hoàng đế Đức chưa được củng cố vững mạnh. Hơn nữa, do sự tham lam, hiếu chiến nên quyền lực của các vua chúa Tây Âu bị suy giảm trong suốt 200 năm tham gia các cuộc Thập tự chinh.

Vậy là từ thế kỉ XI, bối cảnh lịch sử và mối tương quan lực lượng giữa vương quyền và thần quyền bắt đầu thay đổi không còn như ở thời sơ kì phong kiến. Nhưng các vua chúa Tây Âu vẫn muốn duy trì quyền lực “truyền thống” của mình là chi phối và lãnh đạo Giáo hội. Ngôi Giáo hoàng tuy do các tăng lữ Rôma bầu ra nhưng nhiều khi lại do hoàng đế trực tiếp lựa chọn. Ở các địa phương, Giáo hội bị lệ thuộc vào các lãnh chúa phong kiến thế tục. Quý tộc thế tục thường lợi dụng quyền hành của mình để chi phối Giáo hội, nhất là việc tuyển chọn các chức vị tăng lữ. Họ thường chọn các tăng lữ ăn cánh với mình để sai khiến, hoặc đưa con cháu, người thân vào giữ những chức vị quan trọng trong tổ chức Giáo hội. Ở Đức tình hình càng phức tạp hơn. Nước Giáo hoàng lại nằm trong lãnh thổ của đế quốc Đức. Do đó, ở mức độ nhất định, Giáo hoàng Rôma vẫn bị Hoàng đế Đức khống chế. Đó là điều mà các Giáo hoàng không thể chấp nhận, luôn tìm cách chống lại khi có điều kiện. Các hoàng đế Đức luôn gây chiến tranh để sáp nhập vùng bắc Italia vào lãnh thổ của mình. Chính điều này đã gây

ra sự chống đối quyết liệt của cư dân các thành thị ở đây đối với hoàng đế Đức. Họ đã luôn ủng hộ Giáo hoàng chống lại các hoàng đế Đức. Kinh tế Đức lại lạc hậu nhất ở Tây Âu. Thế lực Giáo hội lại rất mạnh. Các lãnh chúa Đức luôn tìm cách chống đối lẫn nhau và chống lại hoàng đế. Trong bối cảnh ấy, các hoàng đế Đức đã trở thành mục tiêu tấn công đầu tiên của Giáo hoàng Rôma.

Trước hết, Giáo hoàng muốn gạt bỏ sự can thiệp, điều khiển của Hoàng đế Đức vào công việc của Giáo hoàng, Giáo hội. Giáo hoàng không muốn chính quyền phong kiến nhúng tay vào công việc của giáo triều Rôma và ở các địa phương. Việc bầu cử Giáo hoàng, cũng như các chức sắc cao cấp trong Giáo hội không phải là việc của hoàng đế cũng như của các lãnh chúa phong kiến. Tức là, vương quyền không có quyền “dính líu” đến thần quyền. Mục tiêu của Giáo hoàng không chỉ dừng lại ở việc giành lấy toàn quyền lãnh đạo thế giới tôn giáo, mà xa hơn nữa, Giáo hoàng muốn giành lấy quyền chi phối, khống chế lãnh đạo thế giới thế tục toàn Tây Âu.

Năm 1059, Giáo hoàng ra quyết định từ nay quyền bầu cử Giáo hoàng thuộc về các giáo chủ mà không cần đến sự chứng kiến của hoàng đế. Có nghĩa là, Giáo hoàng đã công khai bãi bỏ quyền bổ nhiệm, lựa chọn Giáo hoàng và các chức sắc

cao cấp trong Giáo hội của các vua chúa Tây Âu<sup>(3)</sup>. Cuộc đối đầu kịch liệt giữa vương quyền và thần quyền bắt đầu bùng nổ. Cuộc đấu tranh này kéo dài suốt hơn ba thế kỷ, cho mãi đến cuối thập niên thứ hai của thế kỉ XV mới kết thúc. Giai đoạn từ giữa thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XIII là thời kì Giáo hoàng, Giáo hội chiếm ưu thế. Từ đầu thế kỉ XIV trở đi, vương quyền chiếm ưu thế, thế lực của Giáo hoàng, Giáo hội bắt đầu bị suy yếu.

Cuộc đụng độ giữa Giáo hoàng và các hoàng đế Đức bắt đầu từ sự kiện năm 1075. Giáo hoàng Grigôri VII đã phát động một phong trào trong toàn Giáo hội ở đế quốc Đức để chống lại hoàng đế đương nhiệm là Henri IV. Giáo hoàng triệu tập một hội nghị tôn giáo ở Vatican. Tại đây, Giáo hoàng đã công bố những quyết định táo bạo, mạnh mẽ và quyết liệt, giáng một đòn sấm sét vào thế lực của hoàng đế Đức. Giáo hoàng nghiêm cấm việc sắc phong chức giáo chủ của các bậc vua chúa và quý tộc. Mọi quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức sắc Giáo hội từ nay hoàn toàn là việc của Giáo hoàng. Giáo hoàng quyết định cắt đứt mọi quan hệ với các hoàng đế và vương công quý tộc trước đây đã từng tham gia vào việc phong chức trong Giáo hội. Tức là họ bị “phạt vạ tuyệt thông”. Quan trọng hơn là Giáo hoàng tuyên bố chấm dứt mọi việc tuyên thệ của Giáo hoàng khi đấng cử trước ngài vàng hoàng đế.

Quyết định trên đây của Giáo hoàng đã gây ra sự phản ứng quyết liệt của hoàng đế Henri IV. Bấy giờ, Hoàng đế Đức đã 25 tuổi, đầy tham vọng và ý chí (ông lên ngôi từ khi mới 6 tuổi). Không đếm xỉa gì đến những thánh dụ của Giáo hoàng, Henri IV vẫn công khai thụ phong chức giáo chủ ở nhiều nơi trong đế quốc. Giáo hoàng gửi thư đe dọa đòi hoàng đế phải sám hối. Tháng 01/1076, Henri IV liền triệu tập một hội nghị tôn giáo ở Worms và công bố một quyết định đầy thách thức: phế bỏ Giáo hoàng đương nhiệm là Grigôri VII và phán quyết rằng : “Tòa thánh cũng chỉ là một lãnh địa trong đế quốc Đức bao la. Việc đặt chiếc mũ ba tầng lên đầu ai là quyền của hoàng đế chứ đừng nói đến việc tấn phong giám mục<sup>(4)</sup>”. Một tháng sau, Giáo hoàng trả đũa gay gắt và tuyên bố: phế bỏ ngài vàng Hoàng đế của Henri IV, trục xuất ông khỏi Giáo hội. Tháng 10/1076, Giáo hoàng kêu gọi các quý tộc và tầng lớp Đức nổi dậy chống lại Hoàng đế, đòi Henri IV phải từ ngôi. Thế là Hoàng đế bị cô lập, mất chỗ dựa nên đã phải nhân nhượng khuất phục và cam kết phục tùng mọi mệnh lệnh của Giáo hoàng. Được tin đó, Giáo hoàng liền rời Rôma và Canossa, miền nam dãy Anpơ, chờ hộ tống đi xét xử Hoàng

3. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.51.

4. Bùi Đức Sinh. *Lịch sử Giáo hội Công giáo*. Quyển 2. Công lý xuất bản. Sài Gòn 1975, tr.31.

đế. Biết là Giáo hoàng đã đến lâu đài Canossa nên tháng 01/1077, Hoàng đế Henri IV đã vội tới đây để cầu xin Giáo hoàng tha tội. Trong tuyết lạnh, Hoàng đế phải cởi bỏ hoàng bào, mũ miện, khoác chiếc chăn chiên suốt bốn ngày đêm liền, quỳ gối trước cửa lâu đài chờ Giáo hoàng xét tội<sup>(5)</sup>. Sự kiện Canossa đã thể hiện sự chiến thắng bước đầu của thần quyền đối với vương quyền, mặc dù cuộc đụng độ này vẫn chưa kết thúc. Henri IV quyết định trả thù Giáo hoàng. Ông chấn chỉnh quân đội, đánh bại các vương hầu chống đối. Giáo hoàng lo sợ và ra lệnh cách chức Hoàng đế lần thứ hai (tháng 3/1080). Việc làm của Giáo hoàng như lửa đổ thêm dầu, càng làm cho Henri IV quyết tâm hơn cho cuộc đụng độ này. Tháng 06/1080, Hoàng đế tuyên bố phế truất Giáo hoàng. Tháng 03/1084, Hoàng đế đem quân tiến thẳng đến Rôma. Giáo hoàng hoảng sợ bỏ chạy xuống phía nam Italia. Henri IV liền đưa một giáo chủ thân tín lên ngôi Giáo hoàng là Clément III. Thế là Grigôri VII bị đuổi khỏi Rôma, còn Henri IV lại được Giáo hoàng mới làm lễ đăng quang ngôi hoàng đế của “Đế quốc Rôma thần thánh”.

Cuộc đụng độ tạm lắng xuống trong một vài thập niên cho đến khi cả Giáo hoàng và Hoàng đế băng hà (Giáo hoàng mất năm 1085, Hoàng đế mất năm 1106).

Sau vụ Canossa, nội bộ Giáo hội có sự cải cách ít nhiều về cơ cấu tổ chức. Sự can thiệp của vương quyền bị hạn chế tới mức tối đa. Năm 1122, Giáo hoàng và hoàng đế Đức dòng Hohenstauphen đã ký kết hiệp định Worms với những quy định rõ về quyền hạn hai bên trong việc sắc phong chức giáo chủ. Giáo chủ ở Đức là do Giáo hội bầu ra, có sự chứng kiến của hoàng đế và Giáo hoàng. Quyền chính trị của giáo chủ do hoàng đế trao, còn Giáo hoàng trao quyền tôn giáo<sup>(6)</sup>. Đây là một thỏa ước nổi tiếng trong lịch sử phong kiến Tây Âu. Về danh nghĩa, nó kết thúc cuộc tranh giành quyền sắc phong chức giáo chủ giữa Giáo hoàng và hoàng đế kéo dài suốt nửa thế kỷ. Hoàng đế Đức phải lùi bước trước sự tấn công của Giáo hoàng, Giáo hội.

Nhưng chiến thắng các hoàng đế Đức không phải là mục tiêu cuối cùng của Giáo hoàng. Giáo hoàng còn muốn khuất phục tất cả vua chúa Tây Âu, đặt vương quyền dưới sự điều khiển của Giáo hoàng. Cho nên, cuộc tranh giành quyền lực vẫn tái diễn. Đối tượng tấn công đầu tiên của Giáo hoàng vẫn là hoàng đế Đức. Năm 1176, Giáo hoàng Alécxăngđrơ III đã giúp đỡ các thành thị bắc

5. Đại Bách khoa Toàn thư. *Thực chất đạo Cơ đốc*. Nxb Sự thật. Hà Nội 1959, tr.46.

6. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.54.

Italia đánh bại quân đội của Hoàng đế Phơriđơrich I “râu hung” ở trận Legnana<sup>(7)</sup>. Một lần nữa, Hoàng đế lại phải thừa nhận nền độc lập của các thành thị bắc Italia và phải chấp nhận địa vị tối cao của Giáo hoàng ở toàn đế quốc. Dưới thời trị vì của Giáo hoàng Inôxentô III (1198 - 1216), quyền lực của Giáo hoàng được tăng cường đến mức tối đa. Quyền thế của Giáo hoàng đã hoàn toàn lấn át các hoàng đế Đức và vua chúa các nước Tây Âu khác. Giáo hoàng có thể tấn phong hoặc phế truất vua chúa các nước Tây Âu. Vua chúa các nước còn phải cống nạp của cải, tiền bạc cho Giáo hoàng, phải đem quân phục vụ khi Giáo hoàng cần, nhất là trong các cuộc Thập tự chinh. Giáo hoàng còn nhúng tay can thiệp vào các công việc chính trị ở triều đình các nước. Hơn thế, Giáo hoàng còn muốn khuếch trương thế lực của mình sang phương Đông. Lợi dụng lòng tham và tính hiếu chiến của các vua chúa nên Giáo hoàng Inôxentô III đã lôi kéo được cả Hoàng đế Đức Phơriđơrich I và vua Pháp Lui IX tham gia viễn chinh. Nhưng cuối cùng, các ông vua này hoặc bị thất bại hoặc phải bỏ mạng nơi đất khách. Giáo hoàng Inôxentô III đã từng tuyên bố rằng: Ngài “đứng giữa Chúa Trời và loài người, có quyền xét xử mọi người. Nhưng không ai có quyền xét xử ngài vì Thượng Đế đã trao cả hai con dao đại biểu cho

quyền lực của Giáo hội và thế tục cho Giáo hoàng. Chỉ có Giáo hoàng mới có quyền đội vương miện và trao quyền thế tục cho hoàng đế<sup>(8)</sup>. Giáo hoàng Inôxentô III đã từng dùng áp lực để tôn Ôttô IV lên ngôi hoàng đế Đức. Nhưng Ôttô IV tỏ ra cứng rắn nên Giáo hoàng đã phế truất ông và đưa cháu nội của Phơriđơrich I lên ngôi là Phơriđơrich II. Sau đó, Giáo hoàng yêu cầu Hoàng đế phải đích thân cầm quân tham gia cuộc Thập tự chinh. Giáo hoàng còn đánh bại thế lực của vua Anh Giôn “không đất” trong cuộc đụng độ với mình. Các tầng lớp, quý tộc và thị dân Anh đã phản đối nhà vua trong việc tăng thuế. Họ buộc vua phải kí Đại Hiến chương Tự do (ngày 15/6/1215) công nhận quyền tự do cho mọi thần dân. Trong việc này, Giôn “không đất” đã bị Giáo hoàng lên án, chỉ trích là “thiếu kính trọng đối với Tòa thánh”. Trong suốt những thập niên trị vì, Giáo hoàng Inôxentô III đã thực sự trở thành “hoàng đế của các vua chúa” cả Tây và Trung Âu. Quyền uy của Giáo hoàng, của thần quyền đã bao trùm thiên hạ, lấn át cả vương quyền. Năm 1294, Giáo hoàng Bôniphaxiô VIII lên ngôi và tuyên bố rằng mình “vừa là Giáo hoàng vừa là hoàng đế”.

7. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.58.

8. Đại Bách khoa Toàn thư. *Thực chất đạo Cơ đốc*. Nxb Sự thật. Hà Nội 1959, tr.248.

Khoảng hai thập niên cuối cùng của thế kỉ XIII, thời kì hoàng kim của Giáo hoàng bắt đầu bị suy giảm. Trạng thái kinh tế xã hội của các nước Tây Âu bấy giờ đang đổi thay nhanh chóng. Kinh tế hàng hoá tiên tiến phát triển, thị dân ra đời. Phong trào đấu tranh đòi giải phóng thành thị, giải phóng nông nô diễn ra rất sôi động ở nhiều nước Tây Âu, nhất là Pháp và Anh. Trong khi đó, Giáo hoàng, Giáo hội lại lợi dụng quyền uy của mình để tăng cường bóc lột và mê hoặc quần chúng. Giáo hoàng và tầng lớp sống xa hoa, làm tiền nên bị quần chúng căm ghét. Nhiều cuộc đấu tranh của nông nô, thị dân... chống Giáo hoàng, Giáo hội diễn ra ở nhiều nơi. Chẳng hạn ở nam nước Pháp, bắc nước Italia, ở Séc, ở Bungari... Sự đàn áp dã man của Giáo hội càng làm cho quần chúng thấy rõ bộ mặt tàn ác của Giáo hội. Thêm vào đó, từ cuối thế kỉ XIV, phong trào văn hoá phục hưng bắt đầu lan toả ở nhiều nước Tây Âu. Chủ nghĩa nhân văn đã đem lại niềm tin và sức sống mới mãnh liệt, tiến bộ cho xã hội. Do vậy, uy tín và thế lực của Giáo hoàng bị lung lay nghiêng ngả. Một bộ phận thị dân giàu có ở Tây Âu với một thế giới quan và nhân sinh quan mới tiến bộ, cách mạng đã công kích, lên án, châm chọc Giáo hoàng, Giáo hội. Quá trình thống nhất quốc gia ở nhiều nước Tây Âu đang được đẩy mạnh, vì thế

vương quyền ngày càng được củng cố nhất là ở Pháp và Anh. Sau cải cách của vua Philip II Ô guýt (1180 - 1223) và Lui IX (1226 - 1270), biên giới của nước Pháp được mở rộng. Đến Philip IV “đẹp trai”, nhiều cải cách về quân sự và tài chính được thực hiện đã làm cho nước Pháp mạnh lên nhiều. Năm 1285, bằng cuộc hôn nhân của mình, ông đã sáp nhập thêm vùng Champagne vào nước Pháp<sup>(9)</sup>.

Như vậy, thế lực vương quyền ở Tây Âu đang được tăng cường đã làm thay đổi tương quan lực lượng với thần quyền. Điều này khiến Giáo hoàng Bôniphaxiô VIII rất lo ngại. Vua Pháp là đối thủ đáng gờm nhất trong cuộc đụng độ mới. Do vậy, năm 1303, Giáo hoàng đã bí mật cho tay chân ám sát vua Pháp ở Anagne. Việc không thành, Giáo hoàng bị vua Pháp bắt và cầm tù ở Anagne<sup>(10)</sup>. Sau đó ít lâu Giáo hoàng mất ở đây. Sự kiện này đã chấm dứt quyền chi phối của Giáo hoàng đối với phong kiến thế tục. Trong suốt 70 năm (1309 - 1377), vua Pháp buộc Giáo hoàng phải rời Rôma về Avignon (tây nam nước Pháp). Ở đây, mọi hoạt động của các Giáo hoàng đều bị vua Pháp giám sát, chi phối (sử sách gọi là *Giáo hoàng bị cầm tù ở Avignon*). Ở

9. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.66.

10. Miroslav Hroch. *Evropa – Historické udalosti*. Mladá Fronta. Maj – Praha 1980, tr.67.



giáo triều mới này có tới 6 Giáo hoàng được vua Pháp lần lượt bổ nhiệm và bãi miễn. Năm 1377, Giáo hoàng Grigôri XI (người Pháp) vì sợ bị mất quyền lợi ở Italia nên quay lại Rôma. Giáo chủ Kliment được bầu là Giáo hoàng ở Avignon. Thế là, ở Tây Âu cùng lúc có hai giáo triều, hai Giáo hoàng song song tồn tại, một ở Rôma, một ở Avignon<sup>(11)</sup>. Sử sách gọi là cuộc phân li giáo lớn lần hai kéo dài bốn thập niên (từ năm 1378 đến năm 1417). Đây không chỉ là vấn đề của Giáo hội mà còn là của vương quyền. Cho nên, vua chúa và Giáo hội Tây Âu chia phe phái ủng hộ hai giáo triều. Do vậy, thế lực của Giáo hội càng trở nên suy yếu. Vua chúa các nước cũng lục đục, mâu thuẫn nhau trong việc lựa chọn người lên ngôi Giáo hoàng.

Tình hình càng phức tạp hơn khi vua Pháp Sác-lơ VI tổ chức giáo nghị ở Pisa để bầu Giáo hoàng mới. Nhưng có đến ba Giáo hoàng được bầu. Mãi 15 năm sau (năm 1417), dưới sức ép của Hoàng đế Đức Sigismont - giám nghị ở Kôstnica được triệu tập và Mactin V được bầu là Giáo hoàng mới và duy nhất với thủ phủ là Rôma.

**Cuộc phân li giáo lớn hai kết thúc.  
Cuộc tranh giành quyền lực gay gắt,**

quyết liệt giữa Giáo hoàng và các vua chúa Tây Âu kéo dài hơn ba thế kỉ tạm lắng xuống. Trong suốt thời kì này, Giáo hội Công giáo Tây Âu đã phải trải qua những biến thiên, những thăng trầm sâu sắc, phức tạp. Thế kỉ XI - XIII là thời kì hoàng kim về quyền lực của Giáo hoàng. Từ đầu thế kỉ XIV, đến lượt Giáo hoàng, Giáo hội lại bị vương quyền điều khiển, khống chế. Đến thế kỉ XV, chế độ phong kiến Tây Âu bị khủng hoảng trầm trọng. Giai cấp tư sản lớn mạnh trên cơ sở sự phát triển của nền kinh tế mới tư bản chủ nghĩa. Đã đến lúc cả vương quyền và thần quyền phải đương đầu với những cuộc bão táp cách mạng vĩ đại, rộng lớn của quảng đại quần chúng do giai cấp tư sản lãnh đạo. Từ sau cuộc Cách mạng tư sản Hà Lan (1566 - 1648), chế độ phong kiến Tây Âu bắt đầu suy sụp không gì cứu vãn nổi. Lịch sử Giáo hội Công giáo lại bắt đầu bước vào một giai đoạn mới phức tạp và quyết liệt hơn để có thể trở thành công cụ của giai cấp thống trị mới, giai cấp tư sản thời cận đại./.

11. Hoàng Tâm Xuyên. *Mười tôn giáo lớn trên thế giới*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội 1999, tr. 610.